

Bản án số: 35 /2024/HNGĐ - ST
Ngày 30/7/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN NGA SƠN -TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân CH
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quân
Ông Phạm Văn V

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án
Tòa án nhân dân Huyện Nga Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát ND Huyện Nga Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia Đ thụ lý số 87/2024/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2024 , về việc “ *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

*NguY đơn: Chị Trịnh Thị H - Sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Tr L, xã Y Ph, Huyện Y Định, tỉnh Thanh Hóa.

*Bị đơn: Anh Trịnh Mai M - Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn Th Th, xã B Đ, Huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa chị H và anh M có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nguY đơn - Chị Trịnh Thị H trình bày:

* *Về hôn nhân:* Chị và anh Trịnh Mai M kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y Ph, Huyện Y Định, tỉnh Thanh Hóa, ngày 01/8/2005. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh Phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. NguY nhân mâu thuẫn là anh M đi làm ăn xa nhiều năm không quan tâm gì đến gia Đ và vợ con, kể cả về tình cảm lẫn kinh tế, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được,

nên chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Mai M.

* Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trịnh Như H, sinh ngày 12/02/2006; cháu Trịnh Gia H, sinh ngày 29/04/2008; cháu Trịnh Quang V, sinh ngày 01/4/2021. Hiện tại cháu Trịnh Như H đã trưởng thành, nên chị không yêu cầu xem xét giải quyết. Ly hôn, chị H đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trịnh Gia H và cháu Trịnh Quang V, chị H yêu cầu anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị mỗi cháu 1.000.000đ/tháng,

* Về tài sản và nợ chung: Chị Trịnh Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Đối với bị đơn - Anh Trịnh Mai M:

Sau khi thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh M, nhưng anh M không có ở nhà, mẹ anh M đã nhận thay và cam đoan sẽ giao lại cho anh M, để anh M thực hiện các quyền của mình theo quy định của pháp luật. Nhưng anh M đều vắng mặt.

Đến khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh M đã có bản tự khai gửi về Tòa án và trình bày nội dung.

* Về hôn nhân: Về điều kiện kết hôn như chị H trình bày là đúng, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường và đã có với nhau 03 người con, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, nên thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh M cũng đồng ý ly hôn với chị H.

* Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trịnh Như H, sinh ngày 12/02/2006; cháu Trịnh Gia H, sinh ngày 29/04/2008; cháu Trịnh Quang V, sinh ngày 01/4/2021. Hiện tại cháu Trịnh Như H đã trưởng thành, nên anh không yêu cầu xem xét giải quyết. Ly hôn, anh M đề nghị giao cháu Trịnh Gia H và cháu Trịnh Quang V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh M đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, hai cháu là 2.000.000đ/ tháng .

* Về tài sản và nợ chung: Anh Trịnh Mai M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H, cho chị H được ly hôn anh Trịnh Mai M; về con chung: giao cháu Trịnh Gia H và cháu Trịnh Quang V cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng,

anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị H và anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu "Ly hôn" giữa nguY đơn chị Trịnh Thị H và bị đơn anh Trịnh Mai M là tranh chấp dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Th Th, xã B Đ, Hện Nga Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện Nga Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Sau khi trình thụ lý và giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Trịnh Mai M, nhưng anh M không có ở nhà, mẹ anh M đã nhận thay và cam đoan sẽ giao lại cho anh M, để anh M thực hiện các quyền của mình theo quy định của pháp luật.

Tại các buổi hòa giải anh M vắng mặt, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Chị H vẫn giữ nguY quan điểm xin ly hôn anh M và đề nghị HĐXX tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh M đã có bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt gửi về Tòa án, nêu rõ quan điểm của anh về nội dung giải quyết vụ án. Do chị H và anh M có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, tiến hành xét xử vắng mặt nguY đơn và bị đơn.

[3]. Về nội dung vụ án:

**Về hôn nhân:* Chị Trịnh Thị H và anh Trịnh Mai M kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y Ph, Hện Y Định, tỉnh Thanh Hóa, ngày 01/8/2005, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. NguY nhân mâu thuẫn là do anh M thường đi làm ăn xa, không quan tâm gì đến vợ con cả về tình cảm lẫn kinh tế, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, nên thường xuY xảy ra mâu thuẫn, không thể khắc phục được, nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Mai M.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M, nhưng anh M không đến Tòa án để tham gia các buổi hòa giải, nhưng sau đó anh M cũng đã có bản tự khai gửi về cho Tòa án thể hiện quan điểm của mình. Đối với chị H mặc dù Tòa án đã động viên chị nên xem xét lại tình cảm của mình và bỏ qua những mâu thuẫn gia Đ để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị H cho rằng chị không còn tình cảm với anh M nữa, nên chị cương quyết đề nghị Tòa

án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M, quan điểm của anh M cũng nhất trí.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh M đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh M là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia Đ.

**Về con chung:* Vợ chồng có 03 con chung là Trịnh Như H, sinh ngày 12/02/2006; Trịnh Gia H, sinh ngày 29/04/2008; Trịnh Quang V, sinh ngày 01/4/2021. Hiện tại cháu Trịnh Như H đã trưởng thành, chị H không yêu cầu xem xét giải quyết, nên miễn xét. Ly hôn, chị H đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trịnh Gia H và cháu Trịnh Quang V, chị H yêu cầu anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, anh M cũng nhất trí với đề nghị của chị H.

Xét đề nghị của chị H về việc chăm sóc và nuôi dưỡng con chung khi ly hôn, trên cơ sở nguyện vọng của cháu H và cháu V cũng muốn ở với mẹ, quan điểm của anh M cũng nhất trí. Do đó HĐXX chấp nhận đề nghị của chị H và anh M. Giao cháu Trịnh Gia H và cháu Trịnh Quang V cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, hai cháu là 2.000.000đ/tháng.

** Về tài sản và nợ chung:* Chị Trịnh Thị H và anh Trịnh Mai M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

[4].Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải nộp án phí ly hôn, anh Trịnh Mai M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 ; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia Đ. Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị H về việc “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Trịnh Mai M.

***Về hôn nhân:** Cho chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Trịnh Mai M.

***Về con chung:** Giao cháu Trịnh Gia H, sinh ngày 29/04/2008 và cháu Trịnh Quang V, sinh ngày 01/4/2021 cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H mỗi cháu 1.000.000đ/tháng,

hai cháu là 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh M có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

***Về án phí:** Chị Trịnh Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu số: 0005331 ngày 10/5/2024 của chi Cục thi hành án dân sự Hện Nga Sơn. Chị H đã nộp đủ án phí DSST. Anh Trịnh Mai M phải nộp 300.000đ án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

***Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc) ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7A và 9 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND Hện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Hện Nga Sơn;
- UBND xã Y Ph, Hện Y Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Chuyên